

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

<b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐẮK LẮK</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: <u>8074</u>
	Ngày: <u>08/6/21</u>
	Chuyên: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **CÔNG TY TNHH Ô TÔ – XE MÁY TÂY NGUYÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6000948564

Cấp lần đầu ngày 02/11/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 08/12/2020

Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ trụ sở chính: số 68 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

Họ tên: NGUYỄN NGỌC PHỤNG      Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 08/6/1970      Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân: 240504468

Ngày cấp: 23/9/2016      Nơi cấp: Công an Tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: số 68 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện tại: số 68 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế) : không có**

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Tên dự án đầu tư, địa điểm thực hiện dự án:**



1.1. Tên dự án: **TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: thuộc các khoảnh 9,11 Tiểu khu 177A, khoảnh 5,7,8,9,10,12 Tiểu khu 188, xã Ia Lơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

## 2. Mục tiêu dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (Đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Trồng rừng sản xuất (cây gáo vàng)	0210	
2	Trồng cây ăn quả: sầu riêng, xoài, mít...	0128	
3	Chăn nuôi lợn	0145-	
4	Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày		

\* Mục tiêu chung của dự án:

- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn nái ngoại theo quy trình công nghiệp. Đồng thời hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi công nghiệp để nâng cao chất lượng, tạo vùng nguyên liệu để tiêu dùng và xuất khẩu.

- Trồng rừng, cây ăn trái, chăn nuôi theo phương thức lâm nông kết hợp. Quản lý bảo vệ diện tích rừng hiện có không để bị xâm hại. Trước mắt áp dụng biện pháp làm giàu rừng tự nhiên, khi dự án ổn định sẽ đầu tư các giải pháp lâm sinh về phát triển rừng.

- Sử dụng hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng với mục tiêu kinh tế cao nhất. Khai thác tiềm năng đất đai. Tăng độ che phủ, hạn chế xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái trong khu vực.

- Sản xuất kinh doanh theo mô hình lâm nông kết hợp nhằm đa dạng hóa các loại cây trồng trên các điều kiện lập địa, áp dụng mô hình chăn nuôi với ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất thúc đẩy phát triển kinh tế, chủ động tạo ra nguồn sản phẩm dồi dào cho xã hội. Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương nhất là các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.



- Góp phần thực hiện mục tiêu chung của tỉnh Đắk Lắk trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bảo vệ môi trường, phủ xanh đất trống, đồi trọc, cải tạo đất, điều tiết nguồn nước trong khu vực, chăm sóc bảo vệ và phát triển rừng.

### 3. Quy mô đầu tư

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

3.1. Tổng diện tích đất: 731,88 ha (Ngày 12/3/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ia J'Loi tiến hành phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên). Về hiện trạng như sau:

Theo kết quả điều tra: Tổng diện tích điều tra là 731,88 ha do UBND xã Ia J'Loi quản lý, đối với khu vực này không trùng lặp vị trí của các dự án được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện khảo sát. Tuy nhiên, theo Công văn số 547/UBND-NNPTNT ngày 09/4/2021 của UBND huyện Ea Súp về quy hoạch sử dụng đất trong khu vực trên thì tại khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 có trùng dự án quy hoạch bố trí khu dân cư, ... được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 thuộc vùng bố trí và để xây dựng các công trình hạ tầng, quy mô dự án là 2.000ha, thời gian thực hiện dự án từ năm 2008 đến năm 2012, nhưng đến nay diện tích đất sản xuất chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để bố trí cho các hộ dân theo dự án, nguyên nhân do vướng mắc cơ chế, chính sách chuyển mục đích sử dụng đất, rừng nên đến nay vẫn chưa thực hiện dự án. Do đó, Công ty TNHH ô tô – xe máy Tây Nguyên tách bỏ ra diện tích tại khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 (177,46 ha), diện tích còn lại Công ty đề xuất thực hiện dự án TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP là 554,42 ha, hiện trạng như sau:

- Đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha

- Đất chưa có rừng: 454,33 ha

3.2. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, dược liệu, thịt lợn cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

3.3. Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng: 454,33 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:



- + Trồng rừng: 318,031 ha.
- + Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha
- + Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha.
- + Trang trại chăn nuôi heo: 100ha.
- + Nhà điều hành, văn phòng, nhà kho, công trình phụ trợ,...: 1,299 ha.

#### **4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:**

4.1. Tổng vốn đầu tư: **297.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bảy tỷ đồng*), bao gồm vốn cố định và vốn lưu động:

a) Vốn cố định: 287.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy tỷ đồng*).

- Chi phí xây dựng, trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng, trồng cây nông nghiệp,...: 272.000.000.000 đồng.

- Chi phí thiết bị: 4.000.000.000 đồng.

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định: 6.000.000.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 3.500.000.000 đồng.

- Chi phí khác: 1.500.000.000 đồng.

b) Vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn*)

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên	59.400.000.000	20%		Theo tiến độ dự án

b) Vốn huy động: 237.600.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), chiếm 80% tổng vốn đầu tư dự án.

**5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm**

**6. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng**

- Tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư: 18 tháng



- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/ hoạt động: 18 tháng

#### **IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của Hồ sơ đầu tư và các văn bản sao gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

#### **V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Đề xuất dự án đầu tư.
- Báo cáo tài chính.
- Sơ đồ khu đất.
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác.

Đắk Lắk, ngày      tháng      năm 2021

**CÔNG TY TNHH Ô TÔ – XE MÁY  
TÂY NGUYÊN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN NGỌC PHỤNG**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày.....tháng.....năm 2021)

**I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH Ô TÔ – XE MÁY TÂY NGUYÊN**

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI CÁC NỘI DUNG SAU:**

**1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án: **TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP**

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: thuộc các khoảnh 9,11 Tiểu khu 177A, khoảnh 5,7,8,9,10,12 Tiểu khu 188, xã Ia Lơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

1.3. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (Đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Trồng rừng sản xuất (cây gáo vàng)	0210	
2	Trồng cây ăn quả: sầu riêng, xoài, mít...	0128	
3	Chăn nuôi lợn	0145	
	Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày		

1.4. Quy mô đầu tư



a. Tổng diện tích đất: 731,88 ha (Ngày 12/3/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ia J'Loi tiến hành phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên). Về hiện trạng như sau:

Theo kết quả điều tra: Tổng diện tích điều tra là 731,88 ha do UBND xã Ia J'Loi quản lý, đối với khu vực này không trùng lặp vị trí của các dự án được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện khảo sát. Tuy nhiên, theo Công văn số 547/UBND-NNPTNT ngày 09/4/2021 của UBND huyện Ea Súp về quy hoạch sử dụng đất trong khu vực trên thì tại khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 có trùng dự án quy hoạch bố trí khu dân cư, ... được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 thuộc vùng bố trí và để xây dựng các công trình hạ tầng, quy mô dự án là 2.000ha, thời gian thực hiện dự án từ năm 2008 đến năm 2012, nhưng đến nay diện tích đất sản xuất chưa được được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để bố trí cho các hộ dân theo dự án, nguyên nhân do vướng mắc cơ chế, chính sách chuyển mục đích sử dụng đất, rừng nên đến nay vẫn chưa thực hiện dự án. Do đó, Công ty TNHH ô tô – xe máy Tây Nguyên tách bỏ ra diện tích tại khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 (177,46 ha), diện tích còn lại Công ty đề xuất thực hiện dự án TRỒNG RỪNG VÀ SẢN XUẤT LÂM NÔNG KẾT HỢP là 554,42 ha, hiện trạng như sau:

- Đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha

- Đất chưa có rừng: 454,33 ha

b. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gỗ, cây ăn trái, dược liệu, thịt lợn cung cấp cho người dân trong khu vực và các địa bàn lân cận có nhu cầu.

c. Quy mô dự án:

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng: 454,33 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

- + Trồng rừng: 318,031 ha.

- + Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha

- + Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha.

- + Trang trại chăn nuôi heo: 100 ha.



+ Nhà điều hành, văn phòng, nhà kho, công trình phụ trợ,...: 1,299 ha.

#### 1.5. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

a. Tổng vốn đầu tư: **297.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bảy tỷ đồng), bao gồm vốn cố định và vốn lưu động:

- Vốn cố định: 287.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy tỷ đồng).

- Vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn)

b. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên	59.400.000.000	20%		Theo tiến độ dự án

b) Vốn huy động: 237.600.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), chiếm 80% tổng vốn đầu tư dự án.

1.6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

1.7. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng

- Tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư: 18 tháng

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/ hoạt động: 18 tháng

## 2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất

2.1. Địa điểm khu đất:

- Vị trí khu đất: thuộc các khoảnh 9,11 Tiểu khu 177A, khoảnh 5,7,8,9,10,12 Tiểu khu 188, xã Ia Lơ, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

- Diện tích đất: 554,42 ha

- Cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất: do UBND xã Ia Lơ quản lý.

2.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất.

- Đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha

- Đất chưa có rừng: 454,33 ha



### 2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất

Tổng diện tích đất: 554,42 ha

- Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên: 100,09 ha, tổ chức khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng.

- Đối với diện tích đất chưa có rừng: 454,33 ha, diện tích đất này sẽ bố trí trồng rừng và diện tích đất quy hoạch cho trồng rừng nông lâm kết hợp, cụ thể như sau:

+ Trồng rừng: 318,031 ha.

+ Trồng cây nông nghiệp ngắn ngày: 30 ha

+ Trồng cây ăn quả (sầu riêng, xoài, mít...): 5 ha.

+ Trang trại chăn nuôi heo: 100ha.

+ Nhà điều hành, văn phòng, nhà kho, công trình phụ trợ,...: 1,299 ha.

### 2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

- Đáp ứng điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư “Vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư; có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng” - Quy định tại khoản 2, điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, cũng như quy định tại điểm a, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư” theo Quy định tại điểm b, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

- Đáp ứng điều kiện “Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai” theo quy định tại điểm c, khoản 3, điều 58 Luật đất đai.

Đến thời điểm đề xuất thực hiện dự án, Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên chưa vi phạm các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.



2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai:

Sau khi được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại xã Ia Lơi, huyện Ea Súp, Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất: Quý I/2022.

2.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên cam kết ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 3. Nhu cầu về lao động:

Tổng số lao động: Khi dự án đi vào hoạt động tổng số nhân viên làm việc thường xuyên tại dự án là 100 lao động.

STT	Lao động	Số lượng (người)
<b>I</b>	<b>Lao động trực tiếp</b>	<b>120</b>
1	Công nhân trồng trọt	40
2	Tổ quản lý bảo vệ rừng	30
3	Công nhân chăn nuôi	50
<b>II</b>	<b>Lao động gián tiếp</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>130</b>

Nguồn lao động: Ưu tiên sử dụng nguồn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương.

### 4. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Dự án đầu tư Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp không đòi hỏi nhiều lao động chuyên môn kỹ thuật cao, mà chủ yếu sử dụng lao động phổ thông là chính, do đó sẽ thu hút được lực lượng lao động nhân rỗi tại địa phương tham gia dự án.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng trong vùng dự án, tạo tiền đề thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, góp phần xây dựng nông



thôn mới. Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Góp phần phát triển kinh tế địa phương, khai thác hiệu quả đất đai, phát triển đa dạng cây trồng, sử dụng tốt nguồn nước, nguồn lao động tại địa phương nhất là lao động dân tộc thiểu số tại chỗ, tạo công ăn việc làm ổn định, góp phần giảm tình trạng thất nghiệp và các tệ nạn xã hội.

- Góp phần đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đối với cây công nghiệp cho các hộ gia đình, hạn chế nạn phá rừng, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

- Dự án góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, rừng nghèo kiệt, đặc biệt góp phần trong công tác cải tạo rừng nghèo kiệt bằng việc làm giàu rừng tự nhiên, trồng rừng sản xuất lâm nông kết hợp và quản lý bảo vệ rừng.

**5. Đánh giá tác động môi trường:** Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Việc thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh và khu vực lân cận, tác động trực tiếp đến quá trình sinh hoạt của các hộ dân sinh sống xung quanh, có thể dự báo được những nguồn tác động đến môi trường.

#### *5.1. Xác định các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu*

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố bụi, khí thải, nước thải, chất rắn sinh hoạt, tiếng ồn và nhiệt độ phát sinh vào môi trường không khí bao gồm từ các nguồn sau:

- Bụi từ quá trình vận chuyển cây giống: Bụi vào phổi sẽ ảnh hưởng đến đường hô hấp. Bụi mịn sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, gây kích thích hóa học và sinh học như dị ứng, nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, do công việc chủ yếu là vận chuyển cây giống và trồng cây nên nguồn phát sinh bụi không tác động lớn đến môi trường xung quanh. Đồng thời, giai đoạn dự án đi vào ổn định, dự án phát triển vườn ươm tại chỗ đảm bảo hạn chế tối đa quá trình vận chuyển.

- Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: Khi dự án bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động, để đảm bảo cho việc đi lại của những người chăm sóc, trồng cây và lưu thông sản phẩm được thuận lợi, sẽ có nhiều các phương tiện giao thông hoạt động, ra vào khu vực trồng cây để vận chuyển cây giống và trồng cây. Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng



và dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm không khí như NO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, CxHy... Từ số lượng xe hoạt động hàng ngày và thành phần khí thải của xe khi hoạt động, có thể ước tính được một cách tương đối tải lượng các chất ô nhiễm không khí thải vào môi trường từ hoạt động giao thông vận tải. Tuy nhiên, bụi và khí thải được phát sinh từ giao thông vận tải này không thường xuyên, chỉ mang tính gián đoạn và không liên tục.

- Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động: Tiếng ồn và rung động là những tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trước tiên là sức khỏe công nhân, lao động trực tiếp làm việc tại dự án. Tiếng ồn và rung động được phát sinh từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn và rung động do các phương tiện giao thông vận tải, máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau như: xe vận tải, xe mô tô... Tuy nhiên, do tiếng ồn chỉ mang tính gián đoạn và tiếng ồn không vượt mức cho phép. Tiếng ồn và rung động còn phát sinh từ quá trình va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị và hiện tượng chảy rối của các dòng không khí, hơi. Tiếng ồn và rung động phát ra từ các máy phát điện dự phòng, quạt gió, máy bón phân, kéo cắt,... Tuy nhiên, tiếng ồn này ít và không vượt mức cho phép.

- Nước thải: Trong quá trình hoạt động của dự án, nước thải phát sinh vào môi trường bao gồm các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước chữa cháy, tưới cây, nước thải từ máy điều hòa nhiệt độ, nước vệ sinh, ....

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn, rác thải, bụi... trên bề mặt đất. Khi nước mưa chứa chất ô nhiễm thấm vào đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, hoặc khi nước mưa đổ vào lưu vực sông, kênh rạch gần đó sẽ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước mặt...

Nước thải sinh hoạt là loại nước thải ra sau khi sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của công nhân, lao động làm việc tại dự án. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất ô nhiễm vô cơ, hữu cơ và vi sinh gây bệnh, nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do tính chất và thành phần chất ô nhiễm trong nước thải loại này không đáng lo ngại nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn thoát vào hệ thống thoát nước mưa của dự án; sau đó thoát thẳng vào môi trường tiếp nhận.

## *5.2. Giải pháp khắc phục*



- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án được dẫn về bể tự hoại.

- Bố trí đường thoát nước mưa hợp lý tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm và tránh đất bị úng nước..Ảnh hưởng đến cây trồng.

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại, hạn chế di chuyển nhiều lần ngang qua khu vực dân cư. Điều chỉnh lưu lượng xe cộ ra vào hợp lý, tránh hiện tượng tập trung mật độ các phương tiện ra vào quá cao trong một thời điểm. Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông rất khó quản lý nguồn gây ô nhiễm này. Giảm thiểu tác động đến người dân bằng cách cấm vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (vận chuyển cây giống vào ban đêm...) và giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư. Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, hệ thống nén khí. Để giảm ồn còn cần phải tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị kỹ thuật như máy bơm, máy phát điện, máy bón phân, máy cắt,...

- Đối với rác sinh hoạt: Đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Lượng chất thải này sẽ được thu gom hằng ngày.

- Các chất thải rắn xây dựng, các vật liệu phế bỏ được thu gom thường xuyên và vận chuyển ra khỏi khu vực, tập trung vào các khu xử lý chất thải rắn chung của huyện.

- Y tế, vệ sinh và vệ sinh môi trường: tất cả quy trình từ trồng trọt, thu hái, chế biến, đóng gói phải tuân theo các quy định quốc gia về an toàn, vận chuyển vật liệu và vệ sinh môi trường.

#### *\* Phương án tổ chức thực hiện*

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Đảm bảo các hoạt động dân sinh bình thường trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng cũng như giai đoạn trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp; xử lý kịp thời các sự cố môi trường xảy ra; thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường hiện hành.

- Xây dựng phương án và tổ chức giám sát chặt chẽ việc chặt hạ cây trong khu vực Dự án được cấp thẩm quyền giao đất; có biện pháp phối hợp với kiểm lâm và chính quyền địa phương trong việc quản lý đội ngũ công nhân nhằm ngăn chặn các



hành vi phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trong và xung quanh khu vực thực hiện Dự án và các vùng phụ cận giáp với vùng thực hiện Dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục cấm theo quy định.

Dự án đầu tư đi vào hoạt động sẽ mang lại giá trị rất to lớn về môi trường như: hạn chế tình trạng thiên tai, lũ lụt, chống xói mòn, khắc phục hạn hán, điều hòa nguồn nước, tạo oxy, điều hòa không khí, bảo vệ sức khỏe của con người,... Bên cạnh đó dự án còn khoanh nuôi bảo vệ rừng, làm giàu rừng vì vậy không phải đánh giá tác động môi trường.

### **III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Dự án Trồng rừng và sản xuất lâm nông kết hợp tại huyện Ea Súp của Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên thuộc Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Công ty TNHH Ô tô – Xe máy Tây Nguyên được hưởng các ưu đãi như sau:

#### **1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối với thuế thu nhập của doanh nghiệp (*Theo quy định tại khoản 1, điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*);

- Được miễn thuế 04 năm đầu tiên phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp kể từ khi có phát sinh thu nhập chịu thuế (*Theo quy định tại khoản 1, điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*)

#### **2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Miễn thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn đặc biệt khó khăn (*theo quy định của Luật thuế xuất nhập khẩu và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thuế xuất nhập khẩu*)

#### **3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

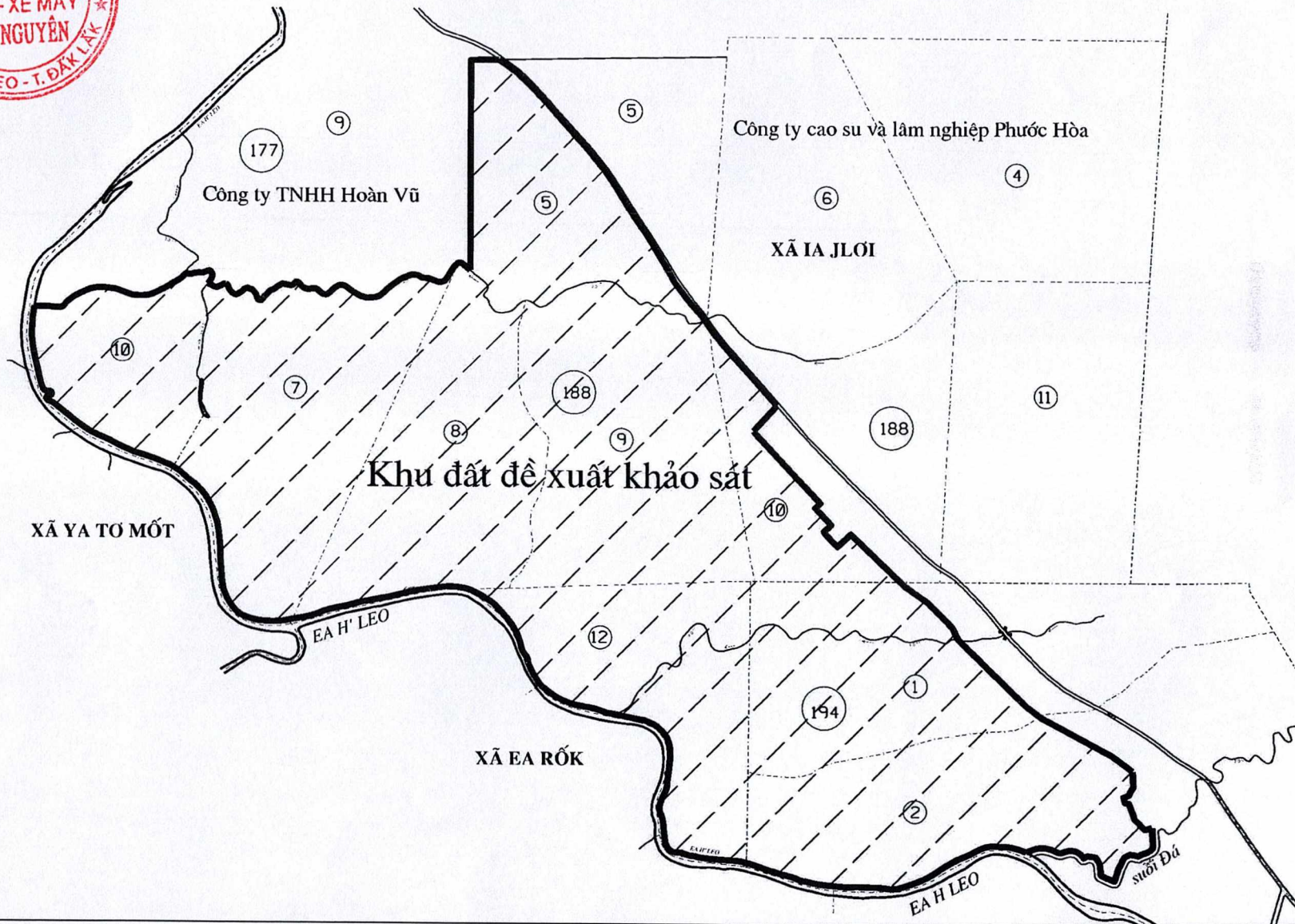






# SƠ ĐỒ KHU ĐẤT

KHU ĐẤT THUỘC KHOẢNH 10 - TIỂU KHU 177; KHOẢNH 5, 7, 8, 9, 10, 12 - TIỂU KHU 188; KHOẢNH 1, 2 - TIỂU KHU 194  
TẠI XÃ IA JLOI, HUYỆN EA SÚP; TỔNG DIỆN TÍCH KHOẢNG 730HA





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11158** /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày **11** tháng 12 năm 2020

V/v khảo sát để lập hồ sơ đề xuất  
thực hiện các dự án lâm nông kết  
hợp trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện Ea Súp và huyện Ea H'leo.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Mục 5.11 Kết luận số 11-KL/TU ngày 30/11/2020 tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 01 đối với nội dung chủ trương khảo sát để lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn các nhà đầu tư điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp; tổ chức phúc tra kết quả điều tra của Nhà đầu tư; gửi kết quả phúc tra về Sở Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở hướng dẫn Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

3. UBND huyện Ea H'leo và UBND huyện Ea Súp chủ động phối hợp với các Sở, ngành và các doanh nghiệp trong việc tổ chức khảo sát địa điểm dự kiến đề xuất thực hiện dự án.

4. Trong thực hiện lưu ý làm việc với nhà đầu tư thống nhất cam kết bằng văn bản: (1) Đánh giá trữ lượng sinh khối ở các khu vực dự kiến khảo sát đầu tư dự án; (2) công tác quản lý, bảo vệ rừng, không để mất rừng, tăng cường công tác hậu kiểm; (3) ký quỹ, cam kết thực hiện đúng mục đích sử dụng đất, tiến độ hoàn thành dự án; có trách nhiệm trong việc khoanh nuôi, bảo vệ rừng, làm giàu thêm rừng; tiếp nhận, quản lý theo đúng diện tích, trữ lượng gỗ được giao thực tế; (4) đảm bảo an ninh trật tự, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện về đất đai trong vùng dự án và các vấn đề liên quan khác...

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các Nhà đầu tư triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (bc);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, CT;
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Linh Vi;
- Công ty TNHH Nam Kiệt Yên;
- Công ty cổ phần XNK nông nghiệp chăn nuôi Việt Úc;
- Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Vạn Lợi Tây Nguyên;
- Công ty TNHH ô tô - xe máy Tây Nguyên;
- Phòng: NN&MT, CN;
- Lưu: VT, TH (ĐUC-Ph)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Hà**



**UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

Số: 1223 /SNN-CCKL

V/v kết quả phúc tra hiện trạng rừng  
và đất đai khu vực dự kiến thực hiện  
dự án lâm nông kết hợp của Công ty  
TNHH Ô tô - Xe máy Tây Nguyên.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 05 năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Triển khai Công văn số 11158/UBND-TH ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về việc khảo sát đề lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp trên địa bàn tỉnh, Công ty TNHH Ô tô - Xe máy Tây Nguyên tự chủ động hợp đồng với đơn vị tư vấn (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk) tổ chức thực hiện điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên diện tích điều tra 731,88 ha thuộc các các khoảnh 9, 11 tiểu khu 177A, khoảnh 5, 7, 8, 9, 10, 12 tiểu khu 188, khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 xã Ia J'Loi quản lý và gửi kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Ngày 12/3/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Ea Súp, Hạt Kiểm lâm Ea Súp và UBND xã Ia J'Loi tiến hành phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí nêu trên (có Biên bản phúc tra ngày 12/3/2021 kèm theo).

Theo kết quả điều tra: Tổng diện tích điều tra là 731,88 ha do UBND xã Ia J'Loi quản lý, đối với khu vực này không trùng lặp vị trí của các dự án được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện khảo sát. Tuy nhiên, theo Công văn số 547/UBND-NNPTNT ngày 09/4/2021 của UBND huyện Ea Súp về quy hoạch sử dụng đất trong khu vực trên thì tại khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 có trùng dự án quy hoạch bố trí khu dân cư, ... được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 thuộc vùng bố trí và để xây dựng các công trình hạ tầng, quy mô dự án là 2.000ha, thời gian thực hiện dự án từ năm 2008 đến năm 2012, nhưng đến nay diện tích đất sản xuất chưa được được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để bố trí cho các hộ dân theo dự án, nguyên nhân do vướng mắc cơ chế, chính sách chuyển mục đích sử dụng đất, rừng nên đến nay vẫn chưa thực hiện dự án.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại khoản 1 Công văn số 11158/UBND-TH ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ kết quả phúc tra hiện trạng rừng và đất đai vị trí nêu trên (gửi qua hệ thống Idesk) để Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Ea Súp;
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Cty TNHH Ô tô - Xe máy Tây Nguyên;
- UBND xã Ia J'Loi;
- Lưu: VT; (Hiển 02b).



**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoài Dương



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp**

Thực hiện Công văn số 11158/UBND-TH ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc khảo sát để lập hồ sơ đề xuất thực hiện các dự án lâm nông kết hợp; Giấy mời số 44/GM-SNN ngày 05/3/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phúc tra kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện.

Vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 12/3/2021, tại khu vực điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp xã IaJ'Loi; Đoàn phúc tra gồm:

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

Ông Nguyễn Văn Hiền, NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm;

Ông Võ Văn Hào, NV phòng SD và PTR, Chi cục Kiểm lâm;

Ông Nguyễn Đình Thử, NV phòng QL.BVR và BTTN, Chi cục Kiểm lâm.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường.**

Ông Hồ Đức Vinh, NV phòng Quy hoạch giao đất, Chi cục Quản lý đất đai.

**3. UBND huyện Ea Súp.**

Ông Nguyễn Bá Bân, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**4. Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp.**

Ông Hoàng Danh Văn, Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Ea Súp;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Kiểm lâm viên - phụ trách QL.BVR.

**5. Đại diện UBND xã IaJ'Loi.**

Ông Đoàn Trọng Việt, Phó Chủ tịch UBND xã IaJ'Loi;

Ông Đinh Tiến Trung, Công chức Địa chính xã.

**6. Đại diện Công ty TNHH Ô tô Xe máy Tây nguyên.**

Ông Nguyễn Ngọc Doan, Phó Tổng giám đốc.

**7. Đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk.**

Ông Phạm Trí Minh, Phó tổng Giám đốc;

Ông Nguyễn Quang Đông, Chủ nhiệm công trình.

**Nội dung:**

**1. Kết quả thực hiện của đơn vị tư vấn**

Theo Hồ sơ báo cáo về kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp do Công ty Cổ phần Xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện, thì khu vực điều tra có tổng diện tích là **731,88** ha tại các khoảnh 9, 11 tiểu khu 177A, khoảnh 5, 7, 8, 9, 10, 12 tiểu khu 188, khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 xã IaJ'Loi, huyện Ea Súp, quản lý.

a) Về hiện các loại đất, loại rừng:

**BẢN SAO**





Số TT	Loại đất, loại rừng	Ký hiệu	Diện tích điều tra (ha)	Diện tích theo dõi DBR 2020 (ha)	Diện tích ngoài lâm nghiệp (ha)	Chênh lệch (ha)
	<b>Tổng diện tích điều tra</b>		<b>731,88</b>	<b>701,08</b>	<b>30,80</b>	<b>0,00</b>
<b>I</b>	<b>Đất có rừng</b>		<b>277,55</b>	<b>615,75</b>	<b>25,25</b>	<b>(363,45)</b>
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá trung bình	rlb		0,84		(0,84)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo kiệt	rlk	4,25	271,68	-	(267,43)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo	rln		140,59	25,25	(165,84)
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá chưa có trữ lượng	rlp	222,77			222,77
-	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt	txk		0,67	-	(0,67)
-	Le	le<2	0,55			0,55
-	Rừng trồng khác (Điều)	rtk	49,98	201,97	-	(151,99)
<b>II</b>	<b>Đất chưa có rừng</b>		<b>448,29</b>	<b>73,79</b>	<b>0,55</b>	<b>373,95</b>
-	Diện tích khác	dt1	72,19	69,09	-	3,10
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	dt2	123,70	-	-	123,70
-	Đất đã trồng nhưng chưa thành rừng	dtr	224,79			224,79
-	Diện tích có cây nông nghiệp	nn	27,61	4,70	0,55	22,36
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>		<b>6,04</b>	<b>11,54</b>	<b>5,00</b>	<b>(10,50)</b>
-	Diện tích có mặt nước	mn		11,54	5,00	(16,54)
-	Đường		6,04			6,04

b) Về phân tích, đánh giá hiện trạng các loại đất, lại rừng trên diện tích điều tra (*Chi tiết trong Báo cáo*).

c) So sánh về tăng, giảm diện tích rừng trong khu vực điều tra:

- So sánh, đối chiếu kết quả điều tra với kết quả theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp năm 2020 thì diện tích đất có rừng trong khu vực điều tra giảm 363,45 ha, trong đó: Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá trung bình (rlb) giảm 0,84 ha, Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá nghèo (rln) giảm 165,84 ha, Rừng gỗ tự nhiên lá rộng nửa rừng lá nghèo kiệt (rlk) giảm 267,43 ha, rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (rtk) giảm 0,67 ha, rừng trồng khác (Điều) giảm 151,99 ha; nhưng trạng thái Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rừng lá chưa có trữ lượng (rlp) tăng 222,77 ha, rừng Le tăng 0,55 ha.

## 2. Kết quả phúc tra

a) Phương pháp thực hiện

- *Về phúc tra hiện trạng các loại đất, loại rừng:* Các thành viên tham gia thống nhất kiểm tra ngẫu nhiên một số điểm ngoài thực địa và đối chiếu với bản đồ hiện trạng do đơn vị tư vấn thực hiện để xem xét sự phù hợp hay không phù hợp giữa bản đồ so với thực tế.

- *Về phúc tra về trữ lượng rừng:* Thống nhất phương pháp kiểm tra ngẫu nhiên một số ô tiêu chuẩn do đơn vị tư vấn thực hiện để xem xét sự phù hợp hay không phù hợp giữa số liệu điều tra của ô tiêu chuẩn so với thực tế.

b) Kết quả kiểm tra



## \* Kiểm tra về hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp:

Vị trí kiểm tra						Kết quả	
STT	Toạ độ	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Hiện trạng hồ sơ	Hiện trạng thực tế	Đánh giá
1	422850 - 1462730	2	3	194	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
2	421859 - 1462770	6a	2	194	Đường giao thông	Đường giao thông	Phù hợp
3	421722 - 1463500	22	9	188	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
4	419542 - 1464090	4	7	188	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Phù hợp
5	420007 - 1463609	15	8	188	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Phù hợp
6	421198 - 1463675	11a	9	188	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt (RLK)	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá nghèo kiệt (RLK)	Phù hợp
7	421549 - 1464054	4	9	188	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2)	Phù hợp
8	422735 - 1462719	3	2	194	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Rừng gỗ tự nhiên lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng (RLP)	Phù hợp

## \* Kiểm tra về trữ lượng rừng:

Kiểm tra các chỉ tiêu lâm học (về đường kính, chiều cao, phẩm chất và loài cây) tại các ô tiêu chuẩn số: Z6, 43, 21, 41, 26, Z23, 46 thuộc lô 3 khoảnh 2 tiểu khu 194, lô 4 khoảnh 9 tiểu khu 188, lô 11a khoảnh 9 tiểu khu 188, lô 15 khoảnh 8 tiểu khu 188, lô 4 khoảnh 7 tiểu khu 188, lô 7 khoảnh 12 tiểu khu 188, lô 5 khoảnh 5 tiểu khu 188 nhận thấy: Tại thời điểm kiểm tra, số liệu trên các biểu điều tra là phù hợp với thực tế. Đồng thời kiểm tra tên loài, phẩm chất, chiều cao trong ô tái sinh thuộc các ô nêu trên phù hợp với thực tế.

## 3. Kết luận, kiến nghị

## a) Kết luận

- Từ kết quả kiểm tra nêu trên Đoàn kiểm tra nhận thấy kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại các khoảnh 9, 11 tiểu khu 177A, khoảnh 5, 7, 8, 9, 10, 12 tiểu khu 188, khoảnh 2, 3 tiểu khu 194 xã Ia L'Loi, huyện Ea Súp quản lý, do Công ty cổ phần xây dựng và Thực phẩm Đắk Lắk thực hiện đến thời gian kiểm tra là phù hợp với thực tế.

- Đoàn không kiểm tra toàn diện, chỉ kiểm tra ngẫu nhiên tại các điểm nêu trên, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, số liệu diện tích, hiện trạng, chỉ tiêu lâm học, ... như đã nêu trong báo cáo và bản đồ hiện trạng.

Qua số liệu đối chiếu, so sánh với kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2020, thì tổng diện tích đất có rừng trong khu vực điều tra giảm cả về diện tích và chất lượng rừng.

## b) Kiến nghị



- Đề nghị UBND xã Ia L'loi xác định nguyên nhân rừng suy giảm nêu trên các biên bản, hồ sơ vụ việc vi phạm do đơn vị xác lập được hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng xác lập đối với diện tích rừng bị phá, các vụ việc vi phạm pháp luật về rừng và đất lâm nghiệp chuyển giao cho cơ quan chức năng (Hạt Kiểm lâm, UBND huyện Ea Súp) xem xét, xử lý theo quy định.

- Đối với diện tích bị xâm canh, lấn chiếm trong khu vực khảo sát, điều tra đề nghị UBND xã Ia L'loi lập thủ tục thu hồi đất theo quy định, nếu vượt thẩm quyền báo cáo UBND huyện để chỉ đạo, xử lý.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp đối với diện tích đã được điều tra, khảo sát nêu trên nói riêng, diện tích do đơn vị quản lý nói chung. Chủ động thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng và quản lý lâm sản theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh. Thực hiện việc cập nhật, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Biên bản được thực hiện vào lúc 16 giờ ngày 12/3/2021, được thông qua các thành viên trong Đoàn cùng nghe, thống nhất ký tên./.

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực.....2021.....Quyển số.....03CT/BS

27-05-2021 SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG

Về các tài liệu lần, số SNTMT 60  
Cố ý kiến



Văn Hào Nguyễn Văn Hiền Nguyễn Đình Thế  
Lương Thanh Tuấn LÂM EA SÚP

Hồ Đức Vĩnh  
UBND HUYỆN EA SÚP

Hoàng Danh Văn Nguyễn Thanh Tuấn  
Đ/D UBND XÃ IA L'LOI

Nguyễn Bá Bàn  
Đ/D CÔNG TY TNHH Ô TÔ  
TÂY NGUYÊN

Đoàn Trọng Việt Đinh Tiến Trung

Nguyễn Ngọc Đoàn

Đ/D CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
VÀ THỰC PHẨM ĐẮK LẮK



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Phạm Lợi Minh



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH ĐẮK LẮK  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 6000948564**

*Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 11 năm 2009*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH Ô TÔ - XE MÁY TÂY NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 68 đường Giải Phóng, Thị Trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

Điện thoại: 0262. 3777588

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 50.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC PHỤNG	Số 68 Giải Phóng, Thị Trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	40.000.000.000	80,000	240504468	
2	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Số 68 Giải Phóng, Thị Trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	10.000.000.000	20,000	240653968	

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC PHỤNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/06/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 240504468

Ngày cấp: 23/09/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 68 Giải Phóng, Thị Trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 68 Giải Phóng, Thị Trấn Ea Drăng, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Phạm Văn Quế



Trần Văn Thuận



CÔNG TY TNHH Ô TÔ - XE MÁY TÂY NGUYÊN

Mẫu số: F01-DNN

68 Giải Phóng - TT Ea Drăng - Huyện Ea H'leo - Tỉnh  
Đắk Lắk

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Ngày 31 Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2020	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	146,574,850,800	112,325,815,649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		146,574,850,800	112,325,815,649
4. Giá vốn hàng bán	11		138,034,575,000	104,606,387,586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8,540,275,800	7,719,428,063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22		2,102,467,000	2,041,717,238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,102,467,000	2,041,717,238
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2,450,481,590	2,179,168,506
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		3,987,327,210	3,498,542,319
11. Thu nhập khác	31		1,250,435,950	506,546,571
12. Chi phí khác	32		15,462,800	4,200,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,234,973,150	502,346,571
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5,222,300,360	4,000,888,890
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	1,044,460,072	800,177,778
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	28	4,177,840,288	3,200,711,112

Ea H'leo, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

  
Nguyễn Ngọc Phụng



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC PHỤNG



Công ty TNHH Ô TÔ - XE MÁY TÂY NGUYÊN

68 Giải Phóng - TT EaĐrăng - Huyện Ea H'Leo - Tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>4,341,714,007</b>	<b>34,929,241</b>
<b>II. Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>1,327,093,350</b>	<b>1,150,106,629</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		14,665,900	26,248,160
2. Trả trước cho người bán	132		106,467,950	71,702,569
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134		1,205,959,500	1,052,155,900
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>47,187,202,608</b>	<b>45,069,171,304</b>
1. Hàng tồn kho	141		47,187,202,608	45,069,171,304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
<b>V. Tài sản cố định</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>	<b>4,273,894,974</b>	<b>2,903,551,874</b>
- Nguyên giá	151		4,797,584,909	3,247,024,309
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(523,689,935)	(343,472,435)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>160</b>	<b>V.06</b>		
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162			
<b>VII. XDCB dở dang</b>	<b>170</b>	<b>V.07</b>		
<b>VIII. Tài sản khác</b>	<b>180</b>	<b>V.08</b>	<b>2,666,362,495</b>	<b>2,757,905,355</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		2,666,362,495	2,747,144,705
2. Tài sản khác	182			10,760,650
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160 + 170 + 180)</b>	<b>200</b>		<b>59,796,267,434</b>	<b>51,915,664,403</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1,787,000,000</b>	<b>38,679,000,000</b>
1. Phải trả người bán	311	V.09.a		
2. Người mua trả tiền trước	312	V.09.b		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10		
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315	V.09.c		
6. Vay và nợ thuê tài chính	316	V.11	1,787,000,000	38,679,000,000
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			





8. Dự phòng phải trả	318	V.12		
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>	<b>58,009,267,434</b>	<b>13,236,664,403</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50,000,000,000	9,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		8,009,267,434	4,236,664,403
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500 = 300 + 400)</b>	<b>500</b>		<b>59,796,267,434</b>	<b>51,915,664,403</b>

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

*Ngô*  
*Lê Thị Hằng Ngô*

Lập, Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN NGỌC PHỤNG



## BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số tài khoản	Tên tài khoản	SỐ DƯ CUỐI NĂM		PHÁT SINH TRONG NĂM		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	9,450,217		125,724,287,450	124,020,813,650	1,712,924,017	
112	Tiền gửi Ngân hàng	25,479,024		131,631,457,276	129,028,146,310	2,628,789,990	
131	Phải thu của khách hàng	26,248,160		125,349,281,200	125,360,863,460	14,665,900	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	2,747,144,705		14,550,605,200	14,631,387,410	2,666,362,495	
242	Chi phí trả trước	10,760,650			10,760,650	0	
153	Công cụ dụng cụ					0	
156	Hàng hóa	44,663,934,047		140,557,843,561	138,034,575,000	47,187,202,608	
211	Tài sản cố định	3,247,024,309		1,550,560,600		4,797,584,909	
214	Hao mòn TSCĐ		343,472,435		180,217,500		523,689,935
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,052,155,900		153,803,600		1,205,959,500	
331	Trả trước cho người bán	71,702,569		128,950,412,200	128,915,646,819	106,467,950	
333	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước			1,047,460,072	1,047,460,072		
3334	Thuế TNDN			1,044,460,072	1,044,460,072		
3338	Thuế môn bài			3,000,000	3,000,000		
334	Phải trả người lao động			1,200,000,000	1,200,000,000		
341	Vay nợ thuê tài chính		38,679,000,000	131,931,415,540	95,039,415,540		1,787,000,000
411	Nguồn vốn kinh doanh		9,000,000,000		41,000,000,000		50,000,000,000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		3,831,427,146		4,177,840,288		8,009,267,434
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			146,574,850,800	146,574,850,800		
632	Giá vốn hàng bán			138,034,575,000	138,034,575,000		
635	Chi phí tài chính			2,102,467,000	2,102,467,000		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			2,450,481,590	2,450,481,590		





711	Thu nhập khác			1,250,435,950	1,250,435,950		
811	Chi phí khác			15,462,800	15,462,800		
911	Xác định kết quả kinh doanh			147,825,286,750	147,825,286,750		
Cộng		51,853,899,581	51,853,899,581	1,241,948,146,661	1,241,948,146,661	60,319,957,369	60,319,957,369

0

NGƯỜI LẬP

*Nga*  
Lô-thư Hằng Nga



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC PHỤNG

